

Số: /TTYT-KHNV&DS

Bảo Lộc, ngày tháng 04 năm 2024.

YÊU CẦU BÁO GIÁ
Gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế

Kính gửi: Các đơn vị, nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam

Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá các gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua trang thiết bị y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc

Địa chỉ: Số 10 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Văn Thanh

Chức vụ: Phó phòng KHNV&DS

Điện thoại: (0263) 3718939 - 3710628

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Quý công ty vui lòng gửi báo giá một trong các cách thức sau (gửi file có đóng dấu):

- Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc, địa chỉ: số 10 Đinh Tiên Hoàng, Phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

- Nhận qua email: nghepvubaoloc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 26 tháng 04 năm 2024 đến trước 08h00 ngày 10 tháng 05 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa

Stt	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn vị tính
01	Hệ thống máy siêu âm doppler màu (Chi tiết theo phụ lục đính kèm)	01	Bộ
02	Ống nội soi đại tràng (chi tiết theo phụ lục đính kèm)	01	Ống

2. Nội dung yêu cầu báo giá :

Các đơn vị, nhà cung cấp trang thiết bị y tế tại Việt Nam có khả năng, nhu cầu cung ứng đề nghị cung cấp các thông tin của hàng hóa nêu trên, cụ thể như sau :

- Tên hàng hóa, ký mã hiệu/ nhãn mác sản phẩm, hãng sản xuất/ hãng chủ sở hữu, nước sản xuất, cấu hình, thông số kỹ thuật (Bao gồm cả quy cách đóng gói, vật tư đi kèm mà đơn vị đề xuất cung cấp , kèm theo catalogue, tài liệu kỹ thuật, tài liệu chứng minh các tiêu chuẩn Iso, EC, FDA ... của sản phẩm)

- Số lưu hành, số giấy phép nhập khẩu ...(nếu có) của các hàng hóa chào hàng (Kèm theo tài liệu công bố, giấy phép lưu hành, giấy phép nhập khẩu ... còn hiệu lực)

- Phân loại (A, B, C, D) đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế (Kèm theo tài liệu phân loại)

- Giá cụ thể của hàng hóa.

- Các đơn vị, nhà cung cấp trang thiết bị y tế có thể chào giá của 1 mặt hàng hoặc cả 2 mặt hàng tùy theo khả năng cung cấp.

Rất mong muốn nhận được báo giá chi tiết và sớm nhất từ quý công ty, đơn vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đăng Website đơn vị;
- Đăng <https://muasamcong.mpi.gov.vn>;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHN&DS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thọ Hoàn

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn /TTYT-KHN&DS ngày tháng 04 năm 2024)

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
I	Hệ thống máy siêu âm doppler màu		01 bộ
A	YÊU CẦU CHUNG		
	<ul style="list-style-type: none">- Hàng mới 100%- Năm sản xuất: năm 2023 trở về sau- Tiêu chuẩn: Iso 13485 hoặc tương đương (thiết bị chính)- Thiết bị đạt tiêu chuẩn: FDA hoặc CE hoặc tương đương- Thiết bị đạt tiêu chuẩn (Chào rõ tiêu chuẩn đạt được, ví dụ : FDA, CE,...)		
B	Cấu hình cung cấp:		
	THÔNG SỐ CHUNG		
	Các thông số kỹ thuật bên ngoài	<ul style="list-style-type: none">- Chiều cao: 1345~1685 mm (có màn hình)- Chiều ngang: 525 mm- Chiều dài: 750 mm- Cân nặng: khoảng 79.8 kg (không có phụ kiện)	
	Thiết kế của máy	<ul style="list-style-type: none">- 4 cổng nối đầu dò- Có tay cầm phía trước kèm 4 bánh xe xoay để di chuyển máy- Màn hình cảm ứng và Trackball- Có 6 vị trí giá đỡ đầu dò/gel- Module PC tích hợp- Windows 10 IoT Enterprise 2019 LTSC Upgrade (Value)	
	Màn hình chính	<ul style="list-style-type: none">- Màn hình LED 21.5'' với độ phân giải cao 1920x1080 (16:9)- Số màu sắc: 16.7 triệu màu- Có thể điều chỉnh độ sáng- Cánh tay đỡ màn hình+ Có thể chỉnh xoay $\pm 160^{\circ}$	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Chính nghiêng $+25^{\circ} / -70^{\circ}$ + Nâng, hạ 180 mm 	
	Bảng điều khiển	<ul style="list-style-type: none"> - Màn hình cảm ứng +Màn hình LED 10.1 inches với độ phân giải cao 1280x800 +Có bàn phím Alpha-Numeric ảo - Bàn phím cơ Alpha-Numeric có đèn nền - Có 6 phím người dùng cài đặt - Tầm chỉnh độ cao: 180mm - Xoay: $\pm 30^{\circ}$ 	
	Bộ xử lý của máy siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> - CPU: Intel i3-8100H, 3.0 GHz - RAM: 8 GB - Ổ cứng SSD:512 GB 	
	Nguồn	<ul style="list-style-type: none"> - Điện áp: 100 ~ 240 VAC - Tần số: 50/60Hz - Công suất: tối đa 800 VA khi kết nối với thiết bị ngoại vi 	
C	THÔNG SỐ KỸ THUẬT:		
	Các ứng dụng siêu âm	<ul style="list-style-type: none"> - Siêu âm bụng (Abdomen) - Siêu âm tim (Cardiac) - Phụ khoa (Gynecology) - Cơ xương (MSK) - Sản khoa (Obstetrics) - Nhi khoa (Pediatric) - Siêu âm các cơ quan nhỏ (Small Parts) - Niệu khoa (Urology) - Siêu âm mạch máu (Vascular) 	
	Các Mode hoạt động:	<ul style="list-style-type: none"> - Mode B (2D) - Mode Doppler màu (C) - Mode doppler xung (PWD) - Mode doppler liên tục (CWD) : steered / static - Mode Doppler năng lượng (PD) - Mode S-Flow™ (Doppler năng lượng có 	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		hướng) - Mode M - Mode Anatomical M - Đơn màn hình, chia đôi màn hình, chia 4 màn hình (Dual / Quad mode) - TDI/TDW	
	Các mode hiển thị:	Mode chia đôi màn hình - B+B, B+B/C, B+B/PD, B+B/S-Flow Mode chia đôi động : - B+B, B+B/C, B+B/PD, B+B/S-Flow Mode triplex theo thời gian thực (chạy đồng thời): - B+C+PW, B+PD+PW, B+S-Flow+PW, B+TDI+TDW Mode duplex, triplex: - B+C, B+M, B+PW, B+PD, B+ S-Flow, B+CW, B+C+PW, B+C+CW, B+C+M, B+TDI, B+TDW - Quad mode +Kết hợp giữa B/B, B/C, B/PD và B/S-Flow, Elastoscan - Phóng ảnh +Write zoom / Read zoom / Pen zoom / Panning - Ảnh hình thang - Ảnh toàn màn hình	
	Những nét chính của thiết bị	- Định dạng chùm tia hoàn toàn kỹ thuật số (Hybrid Full Digital Beam-forming) - Dải tần: 1~18MHz - Độ sâu ảnh hiển thị (tùy thuộc đầu dò) + Độ sâu tối thiểu: 2cm + Độ sâu tối đa: 40cm - Số điểm hội tụ: 1~ 4 - Số vùng tiêu điểm: 1~8 (tùy thuộc đầu dò và ứng dụng) - Công nghệ đầu dò đơn tính thể S-Vue - ClearVision: tăng độ nét cho hình ảnh	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - 256 thang xám - Dải động bên trong thiết bị: 256 - Tốc độ khung hình tối đa: trên 2000Hz - Tốc độ khung hình màu tối đa: trên 400Hz - Đảo ảnh: trái/phải , lên/xuống - Xoay ảnh: 90⁰, 180⁰, 270⁰ - Đo lường/ Calipers kỹ thuật số - Bộ nhớ Cine (Cine memory) <ul style="list-style-type: none"> + Dung lượng: 500MB + Cine loop: Tối đa 14000 đường + Lưu trữ ảnh 2D tối đa: 45000 frame/ 60 giây - Kỹ thuật quét nhanh QuickScan - Hệ thống khởi động xong tối đa 90 giây - Thời gian thay đổi đầu dò: 2~3 giây - Preset: trên 30 - Điều chỉnh chức năng menu trên màn hình cảm ứng - Phần mềm lưu trữ ảnh SonoView™ - Dải vận tốc PW: 0.1cm/s ~ 8.8m/s - Dải vận tốc CW: 1cm/s ~ 19.3 m/s 	
	Môi trường làm việc của thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ: 10~35°C - Độ ẩm: lên đến 90% - Áp suất: 700 ~ 1060 hPa 	
XỬ LÝ ẢNH SIÊU ÂM			
	Xử lý dữ liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Số kênh xử lý tín hiệu: 1,146,880 - Phân tích dữ liệu thô - Cine có chức năng: lưu/xem lại/phát/ngừng/tạm dừng/xuất/Trim Start/Trim End - Trên Clipboard: hiển thị ảnh thu nhỏ của dữ liệu thu được từ lần thăm khám gần nhất - Phóng to ảnh xem trước - Định dạng ảnh: AVI, MPEG, JPEG, 	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		BMP, TIFF, DICOM - Hiện thị kết quả tính toán, đo lường, chú thích trên CINE Playback - Số lượng ảnh lưu trữ: tối đa 350,000 ảnh (Định dạng thô) - Xem trước ảnh/Cine - Cuộn đường thời gian bằng trackball - Chọn khung bắt đầu và kết thúc của Loop Playback	
	Tiền xử lý (Pre Processing)	- B/M – Mode + Dải động + Trung bình khung + Tần số + Gain + Hòa âm + Hòa âm đảo xung (Tùy thuộc đầu dò) + Mật độ dòng + Năng lượng + Mức Reject + Vùng quét + TGC + Phóng đại + MultiVision (Tùy thuộc đầu dò) + Quét tia (Tùy thuộc đầu dò) + Ảnh hình thang (Tùy thuộc đầu dò) + Free Angle Plane - PW Mode + Bộ lọc + Tần số + Gain + Năng lượng + Thang PRF + Góc lấy mẫu + Vị trí lấy mẫu - CW Mode + Tần số lấy mẫu	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Bộ lọc + Gain + Công suất + Góc lấy mẫu + Vị trí lấy mẫu - Mode Doppler màu/Doppler năng lượng: <ul style="list-style-type: none"> + Bộ lọc + Trung bình khung hình + Tần số + Gain + Mật độ dòng + Công suất + PRF + Độ nhẵn + Độ nhạy + Góc quét 	
	Hậu xử lý (Post Processing)	<ul style="list-style-type: none"> - Mode B <ul style="list-style-type: none"> + Hệ màu + Bản đồ thang xám + Kích thước ảnh + Read Zoom + ClearVision + Tốc độ quét - Mode M <ul style="list-style-type: none"> + Hệ màu + Bản đồ M-mode + Read zoom + Tốc độ quét - Mode PW/CW <ul style="list-style-type: none"> + Đường nền (Base line) + Hệ màu + Bản đồ Doppler + Đảo ngược (Invert) + Read zoom + Âm lượng 	-

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> + Hướng vết + Phương thức - Mode Doppler màu/ Doppler năng lượng + Chỉnh cân bằng + Đường nền + Hệ màu + Bản đồ mode màu + Ẩn màu + Đảo ngược + Read zoom 	
KẾT NỐI			
	Giao diện ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> - Ngõ ra âm thanh (Audio out L/R) - D-SUB - S-Video - HDMI output - USB 2.0 (6 cổng) - Mạng Ethernet 10/100/1000BASE-T 	
THÔNG SỐ QUÉT			
	2D MODE	<ul style="list-style-type: none"> - Góc lái: 0°, +/-7°, +/- 12° - Hệ màu: tắt, 1~11 - Cine play: mở, tắt - Tốc độ Cine: 6, 12, 25, 50, 100, 150, 200, 300 - Dual động - Dải động: 30~256 - Tần số: 3~5 bước (tùy thuộc đầu dò): Pen, Gen1, Gen2, Res1, Res2 - Gain: 0~100 - Thang xám: 1~12 - Hòa âm: Mở, tắt - Kích thước ảnh: 70~100% - Mật độ dòng: cao, thấp, trung bình - Trung bình Frame: 0~9 - Năng lượng: 2~100 - Hòa âm đảo xung: mở, tắt (tùy thuộc 	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		đầu dò) - Mức Reject: 0~30 - Giá trị MultiVision: tắt, thấp, trung bình,cao - Giá trị ClearVision: tắt, 1~5 - Ảnh hình thang: tắt, mở (Chỉ dùng trên đầu dò Linear) - Vùng quét: 40~100% - Phóng to + Read Zoom: 100~800% + Write Zoom: 100%~1780%	
	M Mode	- Hệ màu: tắt, 1~11 - Định dạng hiển thị: + Chỉ hiển thị M-mode + Hiển thị Trên/dưới, bên cạnh + Kích thước: 50/50, 70/30, 30/70 - Dải động: 30~256 - Gain: 0~100 - Bản đồ M-mode: 1~12 - Năng lượng: 2~100 - Tốc độ quét - Color M - Anatomical M	-
	C Mode	- Độ cân bằng: 0~16 - Đường nền: -8 ~ 8 - Bản đồ màu: 1~12 - Mật độ dòng: thấp, trung bình, cao - Dual động: tắt, mở - Độ nhạy: 0~5 - Trung bình khung: 0~5 - Tần số: 2 mức - Gain: 0~100 - Ẩn màu: mở, tắt - Đảo màu: mở, tắt - Trung bình Frame: 0~10	-

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Năng lượng: 2~100 - PRF (tần số lặp xung): 0.1kHz~19.5kHz (Tùy thuộc vào đầu dò) - Độ nhạy: 0~5 - Độ nhẫn: 0~5 - Góc lái: 0°, ±15°, ±20°, ±30° - Bộ lọc: 1~4 	
	PW Mode	<ul style="list-style-type: none"> - Tự động tính toán Auto Calc: tắt, động, làm đông - Đường nền: -8~ 8 - Hệ màu: tắt, 1~11 - Định dạng hiển thị: trên/dưới, bên cạnh, chỉ hiển thị Doppler - Kích thước hiển thị: 70/30, 50/50, 30/70 - Bản đồ Doppler: 1~12 - Dải động: 30~256 - Tần số: 2 mức - Gain: 0~100 - Đảo: mở, tắt - Năng lượng: 2~100 - PRF: 1.0~22.5 kHz (Tùy thuộc đầu dò sử dụng) - Đồng thời động: mở, tắt - Âm lượng: 0~100 - Góc điều chỉnh: -80° ~ 80° - Kích thước lấy mẫu: 0.5~25mm - Lấy góc nhanh: 0°, 60°, -60° - Tốc độ quét: 15~117mm/s - Vết: <ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp: tắt, lấy trung bình, tối đa + Hướng: cả hai, trên, dưới - Bộ lọc: 1~4 	-
	CW mode:	<ul style="list-style-type: none"> - Tự động tính toán: tắt, động, làm đông - Đường nền: -8 ~ 8 - Hệ màu: tắt, 1~11 	-

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> - Định dạng hiển thị: trên/dưới, trái/phải, chỉ mode Doppler - Kích thước hiển thị: 70/30, 50/50, 30/70 - Bản đồ Doppler: 1~12 - Dải động: 30 ~ 256 - Gain: 0~ 100 - Đảo phỏ: mở, tắt - Năng lượng: 2~100 - Tần số lấy mẫu: 1.8kHz ~ 57 kHz (Tùy thuộc vào đầu dò) - Âm lượng: 0~100 - Góc lấy mẫu: -80° ~ 80° - Chỉnh góc nhanh: 0°, 60°, - 60° - Tốc độ quét: 18~142mm/s - Vết: <ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp: tắt, lấy trung bình, lấy tối đa + Hướng: cả hai, trên, dưới - Bộ lọc: 1 ~ 4 	
	<p>PD Mode</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cân bằng: 0~16 bước - Bản đồ màu: 1~12 - Mật độ dòng: thấp, trung bình, cao - Dual động: mở, tắt - Bộ lọc: 1~4 - Trung bình Frame: 0~5 bước - Tần số: 2 mức (Tùy thuộc vào đầu dò) - Gain: 0~100 - Ẩn màu - Đảo: mở, tắt (Chỉ dùng trong S-Flow™) - Năng lượng: 2~100 - PRF: 0.1~19.5kHz (tùy thuộc đầu dò) - Độ nhạy: 0~5 - Độ nhẵn: 0~5 - Góc quét: 0°, +/-15°, +/-20°, +/-30° - Bộ lọc: 1~4 	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
	CÁC LOẠI ĐẦU DÒ		
	Linear	<ul style="list-style-type: none"> • LA3-14AD (đầu dò công nghệ đơn tinh thể) - Tần số trung tâm: 7.2MHz - Dải tần: 3~14 MHz - Bán kính cong: đầu dò phẳng - Trường nhìn: 50 mm - Số chấn tử: 256 - Có hướng dẫn sinh thiết (Biopsy) - Ứng dụng: Ổ bụng, Cơ xương khớp, Bộ phận nhỏ, Mạch máu, Sản phụ khoa, Nhi - Mức an toàn: BF 	
	Convex	<ul style="list-style-type: none"> • CA2-9AD (đầu dò công nghệ đơn tinh thể) - Tần số trung tâm: 4.9MHz - Dải tần: 2~9 MHz - Bán kính cong: 60.365 mm - Trường nhìn: 58° - Số chấn tử: 192 - Có hướng dẫn sinh thiết (Biopsy) - Phạm vi áp dụng: Ổ bụng, Cơ xương khớp, Sản khoa, Phụ khoa, Nhi, Mạch máu, Tiết niệu - Mức an toàn: BF 	
	Endocavity	<ul style="list-style-type: none"> • EVN4-9 - Tần số trung tâm: 6.65MHz - Dải tần: 4~9 MHz - Bán kính cong: 10.073 mm - Trường nhìn: 148.092° - Số chấn tử: 128 - Có hướng dẫn sinh thiết - Phạm vi áp dụng: Sản khoa, Phụ khoa, Nội khoa - Mức an toàn: BF 	

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu		Số lượng
	Đầu dò tim	<ul style="list-style-type: none"> • PA1-5A(PE) (đầu dò công nghệ đơn tinh thể) - Tần số trung tâm: 2.8MHz - Dải tần: 1~5MHz - Bán kính cong: đầu dò phẳng - Trường nhìn: 90⁰ - Số chấn tử: 80 - Không hướng dẫn sinh thiết - Phạm vi áp dụng: Bụng, Tim, Mạch máu, Nhi - Mức an toàn: BF 	
2	ỐNG NỘI SOI ĐẠI TRÀNG		
A	YÊU CẦU CHUNG		
	<ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với máy Nội soi Pentax Hoya - Hàng mới 100% - Năm sản xuất: năm 2023 trở về sau - Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn: Iso 13485 hoặc tương đương - Thiết bị đạt tiêu chuẩn (Chào rõ tiêu chuẩn đạt được, ví dụ : FDA, CE,...) 		-
B	CẤU HÌNH CUNG CẤP:		
	<ul style="list-style-type: none"> - 01 Ống soi đại tràng ống mềm video - 01 Chổi rửa dài - 01 Chổi rửa ngắn - 01 Nắp đậy kênh sinh thiết - 01 Chai dầu silicon - 01 Đầu nối làm sạch kênh hút khí nước - 01 Đầu nối làm sạch kênh khí nước - 01 Van cân bằng áp suất - 01 Nắp đậy ngâm nước - 01 Bộ ron cao su cho kênh hút - 01 Hộp đựng thiết bị - 01 Hướng dẫn sử dụng 		
C	THÔNG SỐ KỸ THUẬT:		

Stt	Thông số kỹ thuật tối thiểu	Số lượng
	<ul style="list-style-type: none"> - Dây soi có thể xoay 180° tại phần kết nối với nguồn sáng (có tác dụng chống xoắn dây khi thao tác tăng tuổi thọ cho dây soi). - Góc nhìn: $\geq 140^\circ$ - Hướng quan sát: 0° (Nhìn thẳng) - Độ sâu trường nhìn: 3 đến 100 mm - Hệ thống chiếu sáng: ≥ 2 đường - Đường kính thân ống soi: ≤ 13.2 mm - Khả năng uốn cong của đầu ống: <ul style="list-style-type: none"> • Lên: $\geq 180^\circ$ • Xuống: $\geq 180^\circ$ • Trái: $\geq 160^\circ$ • Phải: $\geq 160^\circ$ - Độ dài làm việc: 1500 mm - Tổng chiều dài: 1823 mm <p style="text-align: center;">Đường kính kênh sinh thiết: 3.8 mm</p>	

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Công văn /TTYT-KHNV&DS ngày tháng 04 năm 2024)

Thông tin nhà thầu (tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

VĂN BẢN CHÀO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc

Căn cứ Công văn số /TTYT-KHNV&DS ngày /04/2024 của Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc về việc yêu cầu báo giá gói thầu mua trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh năm 2024.

Chúng tôi, (tên đơn vị) có địa chỉ tại xin gửi đến Quý cơ quan bảng chào giá và thông tin của các loại hàng hóa đáp ứng nhu cầu của Quý cơ quan như sau:

Stt	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu/ nhãn mác sản phẩm	Hãng sản xuất/ Hãng chủ sở hữu (nếu có)	Nước sản xuất	Xuất xứ	Số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Phân loại của hàng hóa (Không phân loại, A, B, C, D)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT) VNĐ	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)

- Thời gian bảo hành:(đơn vị cung cấp chào tối thiểu 12 tháng nhưng không thấp hơn thời gian bảo hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ khi bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Các thiết bị, hạng mục có thời gian bảo hành khác nhau thì ghi rõ thời gian bảo hành của từng hạng mục).

- Thời gian giao hàng kể từ ngày ký hợp đồng:

- Báo giá trên có hiệu lực: (Tối thiểu 120 ngày)

- Chúng tôi cam kết các thông tin trên hoàn toàn chính xác và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp cho Đơn vị

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Công văn /TTYT-KHNV&DS ngày tháng 04 năm 2024)

Thông tin nhà thầu (tên, địa chỉ, số điện thoại, email)

BẢNG KÊ KHAI CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA CÁC MẶT HÀNG CHÀO GIÁ
(Bảng kê khai này là một phần không thể tách rời của văn bản chào giá của nhà thầu)

Kính gửi: Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc

Căn cứ Công văn số /TTYT-KHNV&DS ngày /04/2024 của Trung tâm Y tế TP Bảo Lộc về việc yêu cầu báo giá gói thầu mua trang thiết bị chẩn đoán hình ảnh năm 2024.

Chúng tôi, (tên đơn vị) có địa chỉ tại xin gửi đến Quý cơ quan bảng chào giá và thông tin của các loại hàng hóa đáp ứng nhu cầu của Quý cơ quan như sau:

Stt	Tên hàng hóa, tên thương mại, Model/ Ký mã hiệu, Hãng sản xuất, Xuất xứ, Đơn vị tính, Số lượng, thông số kỹ thuật
1	Hệ thống máy siêu âm doppler màu
A	Yêu cầu chung:
B	Cấu hình cung cấp:
C	Thông số kỹ thuật:

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý: Đơn vị chào giá chào đầy đủ tất cả các thông tin của hàng hóa (Tên hàng hóa, Tên thương mại, Model/ Ký mã hiệu, Hãng sản xuất, Xuất xứ, Đơn vị tính, Số lượng, Thông số kỹ thuật) đối với cả các thiết bị phụ trợ đi kèm theo hệ thống.